TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 13/12/2019
V/v: "Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Trần Anh Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Ngọc Sơn và ông Nguyễn Huy Sự.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bảy – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quyên – Kiểm sát viên.

Trong ngày 13/12/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 99/2019/TLST - HNGĐ ngày 29/10/2019 về việc "Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/11/2019 và Quyết định hoãn phiên toà số 10/2019/QĐST – HNGĐ ngày 28/11/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị H, sinh năm 1989; nơi đăng ký HKTT và nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Nam. (Có mặt)

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1980; nơi đăng ký HKTT, nơi cư trú cuối cùng: Thôn T, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Nam. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/10/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đỗ Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn M tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 28/6/2010 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Nam. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh M ham chơi lô đề nên dẫn đến nợ nần, chị khuyên bảo nhiều lần nhưng anh M không từ bỏ được việc đánh bạc. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nhất vào tháng 8/2014; anh M bỏ đi khỏi nơi cư trú ở thôn T,

xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Nam; từ đó đến nay không có liên lạc với chị H. Chị H đã nhiều lần tìm mọi cách để liên lạc, tìm kiếm anh M nhưng không thành. Tháng 4/2019 chị H đề nghị và đến ngày 10/10/2019 Tòa án nhân dân huyện B tuyên bố anh M mất tích. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh M.

- Về quan hệ con chung: Chị xác định vợ chồng có hai con chung là cháu Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 20/11/2010 và cháu Nguyễn Anh Đ, sinh ngày 22/10/2014; hiện đang ở với chị. Khi ly hôn, chị đề nghị được tiếp tục nuôi hai cháu và không đề nghị anh M phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con cùng chị do anh M mất tích.

- Về quan hệ tài sản (tài sản riêng của mỗi người, tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng, trợ cấp khó khăn sau ly hôn): Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

[2] Do anh M mất tích nên không có quan điểm về việc chị H kiện ly hôn.

* Tại phiên tòa, chị H giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

[3] Tại phiên toà, đại diện VKSND huyện B có quan điểm:

* Về tố tụng, TAND huyện Bình Lục thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; quá trình giải quyết vụ án tại toà và xét xử tại phiên toà ,Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn thực hiện đúng quy định tố tụng dân sự.

* Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 68 Bộ luật dân sự. Khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án;

- Xử cho chị Đỗ Thị H ly hôn anh Nguyễn Văn M.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 20/11/2010 và cháu Nguyễn Anh Đ, sinh ngày 22/10/2014 cho chị Đỗ Thị H nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn M không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H.

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Đỗ Thị H phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

I. Về tố tụng: Hội đồng xét xử thấy đây là vụ án hôn nhân và gia đình kiện ly hôn và nuôi con chung khi ly hôn; bị đơn đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú cuối cùng tại thôn T, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Nam do vậy Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Do anh M đã

bị Tòa án tuyên bố mất tích và được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt vì vậy Tòa án nhân dân huyện B tiến hành xét xử vắng mặt anh M là đúng quy định.

II. Về giải quyết vụ án:

[1] Về hôn nhân: Chị Đỗ Thị H và anh Nguyễn Văn M tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 28/6/2010 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Nam. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống tại thôn T, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Nam một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh M ham chơi lô đề nên dẫn đến nợ nần, chị H khuyên bảo nhiều lần nhưng anh M không từ bỏ được việc đánh bạc. Tháng 8/2014 anh M bỏ đi khỏi nơi cư trú, từ đó đến nay không liên lạc với chị H.

Hội đồng xét xử xét thấy sau khi thụ lý đơn yêu cầu tuyên bố anh M mất tích của chị H; Tòa án nhân dân huyện B đã tiến hành các thủ tục thông báo tìm kiếm anh M trên các phương tiện thông tin đại chúng nhưng không tìm kiếm được anh M. Ngày 10/10/2019, Tòa án nhân dân huyện B mở phiên họp và tuyên bố anh M mất tích. Sau khi thụ lý đơn khởi kiện ly hôn anh M của chị H, tại các buổi làm việc với Tòa án; chính quyền xã Đ và thôn T đều xác định từ khi Tòa án tuyên bố anh M mất tích đến nay anh M vẫn không trở về địa phương; không có ai có thông tin gì về anh M. Do anh M mất tích nên khả năng vợ chồng chị H anh M đoàn tụ là không còn vì vậy xử cho chị H ly hôn anh M là phù hợp với thực tế, đúng quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Chị Đỗ Thị H và anh Nguyễn Văn M có hai con chung là cháu Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 20/11/2010 và cháu Nguyễn Anh Đ, sinh ngày 22/10/2014; hiện đang ở với chị H. Xét do anh M mất tích nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của chị H; giao chị H nuôi dưỡng cháu M, cháu Đ và không buộc anh M không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cùng chị H.

[3] Về quan hệ tài sản (tài sản riêng của mỗi người, tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng) và trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Do chị H không đề nghị Tòa án giải quyết; anh M mất tích do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Đỗ Thị H phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án;

1. Xử cho chị Đỗ Thị H ly hôn anh Nguyễn Văn M.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 20/11/2010 và cháu Nguyễn Anh Đ, sinh ngày 22/10/2014 cho chị Đỗ Thị H nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn M không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi cháu M, cháu Đ cho chị H. Chị H và các thành viên gia đình không được cản trở anh M trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu M, cháu Đ.

3. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Đỗ Thị H phải chịu 300.000 đồng.

Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm mà chị Đỗ Thị H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Lục theo biên lai số AA/2015/0002386 ngày 05/9/2019 thành án phí ly hôn sơ thẩm mà chị H phải chịu. Chị H đã thi hành xong án phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho chị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo cho anh M được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Nam.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
Đặng Trần Anh Dũng
(Đã ký)